

Số: /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ đãi ngộ, khen thưởng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và

quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

b) Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã; Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc; Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Thành viên đội thể thao gồm: Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia; đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển ngành cấp tỉnh, đội tuyển cấp xã.

b) Thành viên tổ chức giải gồm: Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu, Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu, thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal, Vận động viên, huấn luyện viên, người tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ, công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác được xác định trong kế hoạch thi đấu.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

d) Xã, phường, đặc khu được gọi chung là cấp xã.

đ) Giải thi đấu thể thao quốc gia bao gồm: giải toàn quốc.

Điều 3. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho huấn luyện viên, vận động viên

1. Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia

a) Kiện tướng: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Cấp I quốc gia: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đẳng cấp quốc gia là 12 tháng kể từ ngày được cấp có thẩm quyền công nhận đẳng cấp. Trường hợp vận động viên bị kỷ luật thì không được hưởng chế độ trên kể từ thời điểm bị kỷ luật.

2. Hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng đối với huấn luyện viên, vận động viên được Cục Thể dục thể thao Việt Nam tập trung vào đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia bằng 30% mức chi tiền lương tập trung, tập huấn tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định 349/2025/NĐ-CP.

Thời gian hưởng chế độ được thực hiện theo thời gian tập trung trong Quyết định của Cục Thể dục thể thao Việt Nam.

3. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng các chế độ hỗ trợ, khuyến khích tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 4. Chế độ thực phẩm chức năng

Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh được hỗ trợ thực phẩm chức năng 500.000 đồng/vận động viên/tháng.

Điều 5. Chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao

Vận động viên các môn thể thao đang thuộc quyền quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao chia thành các đối tượng như sau:

1. Đối tượng 1:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt huy chương Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games);
- Đạt hai huy chương vàng giải vô địch thế giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt hai huy chương vàng ASIAD (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt một huy chương vàng ASIAD + hai huy chương vàng SEA Games.
- Đạt một huy chương vàng giải vô địch thế giới + một huy chương vàng Châu Á (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + hai huy chương vàng SEA Games.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).
- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí học Đại học thể dục thể thao và sau Đại học (chính quy hoặc vừa làm vừa học).
- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

2. Đối tượng 2:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt hai huy chương vàng ASIAD (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games).
- Đạt hai huy chương vàng giải vô địch thế giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games) + một huy chương vàng SEA Games.
- Đạt ba huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương vàng giải vô địch thể giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt hai huy chương vàng SEA Games + hai huy chương vàng giải vô địch Đông Nam Á (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic).

- Đạt một huy chương bạc giải vô địch thể giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games) + hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương bạc Châu Á + hai huy chương vàng SEA Games + một huy chương vàng vô địch Đông Nam Á.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí học Đại học thể dục thể thao và sau Đại học (chính quy hoặc vừa làm vừa học).

- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

3. Đối tượng 3:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt huy chương bạc, huy chương đồng các giải vô địch thể giới (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).

- Đạt huy chương bạc hoặc huy chương đồng ASIAD hoặc một huy chương vàng giải vô địch Châu Á (các môn trong hệ thống thi đấu Olympic Games).

- Đạt hai huy chương vàng SEA Games.

- Đạt huy chương bạc hoặc huy chương đồng các giải vô địch thể giới (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic Games) + một huy chương vàng SEA Games.

- Đạt một huy chương bạc ASIAD hoặc huy chương đồng ASIAD hoặc vô địch Châu Á (các môn không nằm trong hệ thống thi đấu Olympic) + một huy chương vàng SEA Games.

- Đạt hai huy chương bạc SEA Games + hai huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc + hai huy chương vàng giải vô địch quốc gia.

b) Chế độ ưu đãi:

- Thưởng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Quy hoạch đào tạo, trợ cấp 100% học phí đại học thể dục thể thao (chính quy hoặc vừa làm vừa học).

- Ưu tiên bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao. Trường hợp không theo ngành thể dục thể thao, nếu có nguyện vọng sẽ được giới thiệu công tác ở ngành khác.

4. Đối tượng 4:

a) Tiêu chí vận động viên đạt được một trong các thành tích sau:

- Đạt một huy chương bạc hoặc một huy chương đồng SEA Games.
- Đạt huy chương vàng đại hội thể dục thể thao toàn quốc.
- Đạt ba huy chương vàng giải vô địch quốc gia.

b) Chế độ ưu đãi:

- Vận động viên trong diện quy hoạch đào tạo được trợ cấp 100% học phí học đại học thể dục thể thao (chính quy hoặc vừa làm vừa học).

- Vận động viên trong diện quy hoạch đào tạo sẽ được bố trí công tác trong ngành thể dục thể thao.

Điều 6. Mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên nữ

Vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ bằng 50% mức tại Điều 8 Nghị định 349/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh tham gia thi đấu lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Ngoài mức thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên tham gia đội tuyển quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, tỉnh thưởng thêm bằng 50% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao quốc tế quy định tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thể thao tại giải đấu cấp khu vực, vùng, miền

1. Các môn cá nhân:

- a) Huy chương vàng: 800.000 đồng;
- b) Huy chương bạc: 600.000 đồng;
- c) Huy chương đồng: 400.000 đồng.

2. Các môn thi đấu đôi:

- a) Huy chương vàng: 1.200.000 đồng;
- b) Huy chương bạc: 1.000.000 đồng;

c) Huy chương đồng: 800.000 đồng.

3. Các môn thi đấu đồng đội:

a) Huy chương vàng: 2.000.000 đồng;

b) Huy chương bạc: 1.600.000 đồng;

c) Huy chương đồng: 1.200.000 đồng.

4. Các môn thi đấu tập thể:

a) Huy chương vàng: 8.000.000 đồng;

b) Huy chương bạc: 6.000.000 đồng;

c) Huy chương đồng: 4.000.000 đồng.

5. Môn bóng đá 11 người:

a) Huy chương vàng: 20.000.000 đồng;

b) Huy chương bạc: 14.000.000 đồng;

c) Huy chương đồng: 10.000.000 đồng.

6. Đối với môn đua thuyền có số lượng từ 10 đến 20 vận động viên theo điều lệ giải:

- Huy chương vàng: 30.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 20.000.000 đồng.

- Huy chương đồng: 15.000.000 đồng.

- Khuyến khích: 5.000.000 đồng.

7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên lập thành tích tại môn thi đấu tập thể, môn thi đấu đồng đội được quy định như sau: Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

Điều 9. Mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã, Hội thi, Hội thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, các giải thi đấu thể thao cấp xã

1. Vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể dục thể thao cấp xã mức thưởng được quy định như sau:

- Huy chương vàng: 300.000 đồng.
- Huy chương bạc: 200.000 đồng.
- Huy chương đồng: 150.000 đồng.

2. Vận động viên đạt thành tích tại Hội thi, Hội thao cấp xã, các giải vô địch xã, mức thưởng được quy định như sau:

a) Các nội dung cá nhân:

- Huy chương vàng: 300.000 đồng.
- Huy chương bạc: 200.000 đồng.
- Huy chương đồng: 150.000 đồng.

b) Các nội dung thi đấu đôi:

- Huy chương vàng: 450.000 đồng.
- Huy chương bạc: 350.000 đồng.
- Huy chương đồng: 300.000 đồng.

c) Các nội dung thi đấu đồng đội:

- Huy chương vàng: 800.000 đồng.
- Huy chương bạc: 600.000 đồng.
- Huy chương đồng: 500.000 đồng.

d) Các môn thi đấu tập thể:

- Huy chương vàng: 5.000.000 đồng.
- Huy chương bạc: 3.000.000 đồng.
- Huy chương đồng: 2.000.000 đồng.

g) Đối với môn đua thuyền, đua ghe ngo nhỏ có số lượng từ 10 đến 20 vận động viên theo điều lệ giải:

- Huy chương vàng: 15.000.000 đồng.
- Huy chương bạc: 10.000.000 đồng.
- Huy chương đồng: 5.000.000 đồng.
- Khuyến khích: 3.000.000 đồng.

h) Đối với môn Đua bò đạt thành tích tại giải thi đấu, hội thi cấp xã mức thưởng quy định như sau:

- Huy chương vàng: 10.000.000 đồng.
- Huy chương bạc: 8.000.000 đồng.
- Huy chương đồng: 4.000.000 đồng.
- Khuyến khích: 2.000.000 đồng.

3. Vận động viên lập thành tích tại các Hội khỏe Phù Đổng cấp xã, Giải trẻ cấp xã được hưởng bằng 75% các môn quy định tại khoản 2 của Nghị quyết này.

Điều 10. Hỗ trợ đối với giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

1. Môn Ghe ngo, đua thuyền có số lượng từ 55 đến 80 vận động viên theo điều lệ giải, bao gồm: giải vô địch tỉnh, giải tỉnh mở rộng, hội thi cấp tỉnh, Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp tỉnh được hưởng mức hỗ trợ chung cho cả đội như sau:

a) Hỗ trợ đầu Ghe ngo, thuyền trong tỉnh An Giang: 15.000.000 đồng/ghe, thuyền.

b) Hỗ trợ đầu Ghe ngo, thuyền ngoài tỉnh An Giang: 20.000.000 đồng/ghe, thuyền.

2. Môn đua thuyền, đua ghe ngo nhỏ có số lượng từ 10 đến 20 vận động viên theo điều lệ giải. Hỗ trợ đầu ghe ngo, thuyền: 2.000.000 đồng/ghe, thuyền.

3. Môn Đua bò đạt thành tích tại giải thi đấu, hội thi cấp tỉnh được hỗ trợ chung cho cả đội như sau:

a) Mức hỗ trợ bò: 5.000.000 đồng/đôi bò.

b) Người điều khiển bò xuất sắc: 5.000.000 đồng/người.

4. Mức hỗ trợ cấp xã ghe ngo, đua thuyền, đua bò giải cấp xã:

a) Hỗ trợ đầu Ghe ngo, thuyền: 2.000.000 đồng/ghe, thuyền.

b) Hỗ trợ đua bò: 1.500.000 đồng/đôi bò.

c) Người điều khiển bò xuất sắc: 1.500.000 đồng/người.

Điều 11. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao

1. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại

Đối với các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết này: Thời gian thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu. Mức chi cụ thể như sau:

a) Tiền ăn đối với giải cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày; giải cấp xã

165.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền thuê phòng nghỉ, đi lại

Thực hiện theo quy định tại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Chi chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên

- Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định số 349/2025/NĐ-CP tham gia giải thi đấu các giải thể thao thực hiện theo Nghị định 349/2025/NĐ-CP.

- Chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên cấp xã, cơ quan khác có liên quan (*không thuộc đối tượng áp dụng chế độ dinh dưỡng theo Nghị định số 349/2025/NĐ-CP*) tham gia thi đấu các giải thể thao thực hiện như sau: 120.000 đồng/người/ngày trong thời gian tập trung tập huấn và 200.000 đồng/người/ngày trong thời gian tập trung thi đấu.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

Đơn vị tính: Đồng/người

TT	Đối tượng	Mức chi cấp tỉnh	Mức chi cấp xã
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày	130.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	190.000/buổi	150.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	135.000/buổi	110.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	80.000/buổi	65.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ		
a	Người tập		
-	Tập luyện	65.000/buổi	50.000/buổi

-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	95.000/buổi	75.000/buổi
-	Chính thức	150.000/buổi	120.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	135.000/buổi	110.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal tại Đại hội thể thao, giải bóng đá các lứa tuổi		
a	Giải bóng đá nam, nữ		
-	Trọng tài chính	320.000/buổi	250.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Điều phối viên	160.000/buổi	130.000/buổi
b	Giải futsal nam, nữ		
-	Trọng tài chính	220.000/buổi	175.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi	130.000/buổi
-	Điều phối viên	120.000/buổi	100.000/buổi

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a, khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Thời gian chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế theo hướng dẫn, điều lệ của Ban tổ chức giải.

d) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

3. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;

b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, họp báo, hội nghị, hội thao, tập huấn trọng tài;

c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;

- d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- d) Chi in vé, giấy mời;
- e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);
- h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì sẽ áp dụng theo các quy định mức chi tại Nghị định số 349/2025NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh chi chế độ ưu đãi tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này.

2. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích các tổ chức, đơn vị, cá nhân huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để bổ sung hỗ trợ, khuyến khích huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu và đảm bảo tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 12/2009/NQ-HĐND ngày 07/10/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách ưu đãi đối với vận động viên thể thao đạt thành tích cao tỉnh An Giang;

b) Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang;

c) Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang;

d) Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa ... Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH